TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thúy A, sinh năm 1990. (có mặt)

HKTT: Đường L, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tạm trú: Ấp M, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Trương Ngọc Th, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 3 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy A trình bày: Chị và anh Th cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 24/11/2011. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng đã rạn nứt khó mong hàn gắn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay nên Chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chúng tôi có 2 con chung tên Trương Thị Ngọc Th, sinh

ngày 05/7/2011 và Trương Ngọc Thy Th, sinh ngày 21/3/2014, hiện hai con đang sinh sống với Chị. Khi ly hôn, Chị xin được quyền nuôi hai con. Chị yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trương Ngọc Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẩn, do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị A tự ý rời xa Anh từ tháng 3 năm 2019 cho đến. Nay, chị An xin ly hôn Anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị A có 2 con chung tên Trương Thị Ngọc Th, sinh ngày 05/7/2011 và Trương Ngọc Thy Th, sinh ngày 21/3/2014, hiện hai con đang sinh sống với chị A. Khi ly hôn, Anh xin được quyền nuôi con tên Trương Ngọc Thy Th, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trương Ngọc Th; anh Th có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có xác nhận của Công an xã) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Th chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 24/11/2011 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị A, anh Th phát sinh mâu thuẩn nên sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Chị A cho rằng năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn; nguyên nhân mâu thuẩn là do bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng đã rạn nứt khó mong hàn gắn nên Chị yêu cầu ly hôn với anh Th. Anh Th thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên Anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh Th, chị A đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, hôn nhân giữa chị A, anh Th đã không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh Th đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị A, anh Th trình bày quá trình chung sống có hai con chung tên Trương Thị Ngọc Th, sinh ngày 05/7/2011 và Trương Ngọc Thy Th, sinh ngày 21/3/2014, hiện hai con đang sinh sống với chị A. Tại phiên tòa, anh Th và chị A có tranh chấp quyền nuôi dưỡng con. Xét thấy hiện tại, chị A đang nuôi dưỡng hai cháu, để đảm bảo sự phát triển bình thường và theo nguyện vọng của cháu Th thấy rằng cần tiếp tục giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị An yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116 nên buộc anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng.

[5]. Về tài sản chung: Chị A, anh Th nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị A, anh Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị An phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thúy A đối với anh Trương Ngọc Th về việc "Ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thúy A với anh Trương Ngọc Th.

2. Về con chung: Chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Trương Thị Ngọc Th, sinh ngày 05/7/2011 và Trương Ngọc Thy Th, sinh ngày 21/3/2014, hiện hai con đang sinh sống với chị A. Buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc anh Th chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004317 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Chị A đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn